

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Gia Lai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ về quản lý cây xanh đô thị;

Căn cứ Thông tư số 20/2005/TT-BXD ngày 20/12/2005 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý cây xanh đô thị;

Căn cứ Thông tư số 20/2009/TT-BXD ngày 30/6/2009 của Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 20/2005/TT-BXD ngày 20/12/2005 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý cây xanh đô thị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân công, phân cấp quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2016.

Điều 3. Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các sở, ban, ngành, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội;
- Cục KTVB (Bộ Tư pháp);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo Gia lai;
- Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu VT, NL, TH, CNXD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Võ Ngọc Thành

QUY ĐỊNH

Phân công, phân cấp quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Gia Lai
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 36 /2016/QĐ-UBND
ngày 05 tháng 9 năm 2016 của UBND tỉnh Gia Lai)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định các nội dung về phân công, phân cấp quản lý Nhà nước về cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Gia Lai.
2. Tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có các hoạt động liên quan đến việc quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Gia Lai (sau đây gọi là tổ chức cá nhân) phải tuân theo Quy định này và các quy định của pháp luật liên quan.
3. Những nội dung khác liên quan đến quản lý cây xanh không có trong Quy định này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ về quản lý cây xanh đô thị và các văn bản pháp luật khác liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý hệ thống cây xanh đô thị

1. Tất cả các loại cây xanh đô thị phải được xác định chủ sở hữu, do tổ chức, cá nhân quản lý hoặc được giao quản lý.
2. Nhà nước có trách nhiệm đầu tư, phát triển cây xanh đô thị sử dụng công cộng nhằm phục vụ lợi ích cộng đồng.
3. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng, duy tu, bảo quản công viên; trồng, chăm sóc, bảo vệ cây xanh đô thị góp phần tạo cảnh quan, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu, phát hiện và thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý cây xanh xử lý cây nguy hiểm và ngăn chặn các hành vi gây ảnh hưởng tới sự phát triển của cây xanh đô thị, các hành vi chặt phá, chiếm dụng cây xanh phục vụ lợi ích riêng.
4. Khi lập, xét duyệt các đồ án quy hoạch, dự án đầu tư xây dựng phải xác định tỷ lệ, diện tích đất cây xanh đô thị và quy hoạch hệ thống cây xanh đô thị, đảm bảo theo quy chuẩn xây dựng Việt Nam và tiêu chuẩn quy hoạch cây xanh đô thị sử dụng công cộng và các văn bản quy định hiện hành. Việc xây dựng mới, cải tạo nâng cấp công viên, vườn hoa và hệ thống cây xanh đô thị phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật và phù hợp với quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

5. Lựa chọn chủng loại và cây trồng phải phù hợp điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng, cảnh quan không gian kiến trúc, đảm bảo an toàn giao thông, vệ sinh môi trường.

Điều 3. Phân cấp quản lý cây xanh đô thị

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức quản lý cây xanh đô thị thuộc phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý, ngoại trừ các khu công nghiệp được phân cấp cho Ban Quản lý khu kinh tế quản lý.

2. Ban Quản lý khu kinh tế tổ chức quản lý cây xanh đô thị trong phạm vi các khu công nghiệp, khu kinh tế thuộc tỉnh quản lý.

Điều 4. Kế hoạch đầu tư, phát triển cây xanh sử dụng công cộng đô thị

Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh lập và phê duyệt kế hoạch đầu tư, phát triển cây xanh sử dụng công cộng đô thị hằng năm và kế hoạch 5 năm trong phạm vi quản lý sau khi có ý kiến góp ý của các sở, ban ngành liên quan.

Điều 5. Danh mục cây xanh đường phố.

1. Đối với tuyến đường có chiều rộng hè phố trên 5m trồng cây trung mộc hoặc đại mộc, danh sách tham khảo theo Phụ lục 1 của Quy định này.

2. Đối với tuyến đường có chiều rộng hè phố từ 3m đến dưới 5m trồng cây tiểu mộc, danh sách tham khảo theo Phụ lục I của Quy định này.

3. Đối với tuyến đường có chiều rộng hè phố dưới 3m không trồng cây bóng mát.

Điều 6. Danh mục cây khuyến khích trồng, cây cấm trồng và cây trồng hạn chế

1. Danh mục cây khuyến khích trồng tham khảo theo Phụ lục 2 của Quy định này.

2. Danh mục cây cấm trồng trong đô thị tham khảo theo Phụ lục 3 của Quy định này.

3. Danh mục cây trồng hạn chế trong đô thị tham khảo theo Phụ lục 4 của Quy định này.

4. Từng bước loại bỏ cây xanh hiện hữu thuộc danh mục cây cấm trồng trong đô thị theo Phụ lục 3 của Quy định này.

5. Đối với cây xanh nằm ngoài danh mục cây khuyến khích trồng, cây trồng hạn chế hoặc du nhập từ nước ngoài cần tham khảo nguồn gốc, xuất xứ và xin ý kiến cơ quan quản lý trước khi trồng đảm bảo không gây ảnh hưởng đô thị. Trường hợp không rõ nguồn gốc, xuất xứ thì trồng thí điểm trước khi đề xuất thực hiện.

Chương II

PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ CÂY XANH ĐÔ THỊ

Điều 7. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

1. Sở Xây dựng

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch, UBND cấp huyện xác định danh mục cây cổ thụ, cây cần bảo tồn, trình UBND tỉnh ban hành.

c) Tham gia ý kiến về nội dung kế hoạch hàng năm, 5 năm về phát triển cây xanh sử dụng công cộng đô thị trên địa bàn tỉnh do Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND cấp huyện quản lý.

d) Tổng hợp cơ sở dữ liệu về cây xanh đô thị; hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá việc quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh và định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Tham gia ý kiến về các nội dung: Việc lựa chọn giống cây xanh đô thị nằm ngoài danh mục cây khuyến khích trồng, cây trồng hạn chế; quy hoạch hệ thống vườn ươm cây phục vụ nhu cầu trồng cây xanh đô thị; kế hoạch hàng năm, 5 năm, phát triển cây xanh đô thị.

b) Tham gia ý kiến và cử cán bộ kỹ thuật hướng dẫn quy trình xử lý cây xanh bị sâu bệnh phá hại khi có đề nghị của các đơn vị khác.

3. Sở Tài chính

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về quản lý và sử dụng nguồn lợi thu được từ việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh sử dụng công cộng có nguồn lợi thu được.

4. Các ngành điện lực, viễn thông, cấp - thoát nước

Trong quá trình thi công, xử lý kỹ thuật công trình ngầm và trên mặt đất, ngành điện lực, viễn thông, cấp nước, thoát nước có trách nhiệm bảo vệ hệ thống cây xanh đã có trong và chung quanh khu vực công trường, thông báo, phối hợp chặt chẽ với cơ quan được phân cấp quản lý cây xanh để bảo đảm kỹ thuật, mỹ quan, sự an toàn và phát triển của cây xanh.

6. Các sở, ban, ngành liên quan

Trong phạm vi chức năng của mình phối hợp với các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt quy định này và cùng Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Gia Lai, trường học tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, hướng dẫn người dân tham gia trồng, chăm sóc, bảo vệ cây xanh đô thị, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về quản lý cây xanh đô thị.

Điều 8. Trách nhiệm của Ban quản lý Khu kinh tế

1. Tổ chức thực hiện việc quản lý, bảo vệ và phát triển cây xanh trong khuôn viên các khu công nghiệp, khu kinh tế thuộc tỉnh quản lý.

2. Lập, phê duyệt kế hoạch đầu tư và phát triển cây xanh sử dụng công cộng đô thị hằng năm và 5 năm sau khi lấy ý kiến của các sở ban ngành liên quan và tổ chức triển khai thực hiện.

3. Phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết cây xanh, công viên – vườn hoa theo quy định về quy hoạch đô thị sau khi có ý kiến thỏa thuận của Sở Xây dựng.

4. Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện các dự án, bảo đảm tỷ lệ cây xanh theo đúng quy hoạch được phê duyệt. Lập biên bản xử lý hành vi vi phạm quy định về chặt hạ, di dời cây xanh, xử phạt theo thẩm quyền hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền xử phạt.

5. Cấp giấy phép chặt hạ, di dời cây xanh thuộc phạm vi quản lý. Thực hiện việc chặt hạ, thay thế các tuyến đường có cây già cỗi, không còn phát huy tác dụng cải thiện môi trường và không đảm bảo an toàn.

6. Khảo sát, lập danh mục và kế hoạch chăm sóc đặc biệt đối với cây cổ thụ, cây cần bảo tồn, cây xanh mang đặc trưng của tỉnh, của vùng địa lý.

7. Định kỳ hàng năm gửi báo cáo tình hình quản lý cây xanh trong các khu công nghiệp tỉnh về Sở Xây dựng theo quy định.

Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tổ chức thực hiện việc quản lý, bảo vệ và phát triển cây xanh đô thị trên địa bàn mình quản lý (trừ cây xanh thuộc quy định tại Khoản 1 Điều 8 Quy định này).

2. Lập, phê duyệt kế hoạch đầu tư và phát triển cây xanh sử dụng công cộng đô thị hằng năm và 5 năm sau khi lấy ý kiến của các sở ban ngành liên quan và tổ chức triển khai thực hiện.

3. Phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết cây xanh, công viên – vườn hoa trên địa bàn theo quy định về quy hoạch đô thị sau khi có ý kiến thỏa thuận của Sở Xây dựng.

4. Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện các dự án bảo đảm tỷ lệ cây xanh theo đúng quy hoạch được phê duyệt. Lập biên bản xử lý hành vi vi phạm quy định về chặt hạ, di dời cây xanh, xử phạt theo thẩm quyền hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền xử phạt.

5. Quản lý địa bàn, không để tình trạng lấn chiếm sử dụng trái phép các vị trí được quy hoạch xây dựng cây xanh đô thị. Lựa chọn đơn vị thực hiện dịch vụ về quản lý cây xanh trên địa bàn mình quản lý.

6. Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh trên địa bàn quản lý. Thực hiện việc chặt hạ, thay thế các tuyến đường có cây già cỗi, không còn phát huy tác dụng cải thiện môi trường và không đảm bảo an toàn. Rà soát và lập kế hoạch thay thế dần những cây hiện có nhưng thuộc danh mục cây cấm trồng, cây hạn chế trồng trên đường phố, công viên, vườn hoa và các khu vực công cộng khác.

7. Khảo sát, lập danh mục và kế hoạch chăm sóc đặc biệt đối với cây cổ thụ, cây cần bảo tồn, cây xanh mang đặc trưng của tỉnh, của vùng địa lý, cây xanh trên đường phố có chiều cao từ 15m trở lên.

8. Hàng năm thống kê và lập cơ sở dữ liệu về cây xanh đô thị trên địa bàn mình quản lý và báo cáo về Sở Xây dựng để theo dõi, tổng hợp.

9. Chủ động sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế thuộc ngân sách cấp huyện để đầu tư phát triển cây xanh sử dụng công cộng đô thị theo kế hoạch được phê duyệt.

10. Tùy theo thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có thể ban hành các quy định cụ thể hoặc phân công trách nhiệm quản lý, bảo vệ cây xanh đô thị cho Ủy ban nhân dân cấp xã.

11. Tuyên truyền, giáo dục, vận động các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tích cực tham gia trồng, chăm sóc và bảo vệ cây xanh đô thị.

Điều 10. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị được giao quản lý trồng, chăm sóc cây xanh

1. Thực hiện trồng, chăm sóc và quản lý hệ thống cây xanh theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Nghiên cứu đề xuất chủng loại cây, hoa phù hợp với quy hoạch xây dựng, với đặc điểm thổ nhưỡng, khí hậu và cảnh quan chung; tiếp thu và lai tạo các loại cây, hoa đẹp ở các địa phương khác để áp dụng trên địa bàn được giao quản lý.

3. Lập hồ sơ danh sách và tổ chức đánh số cây xanh cổ thụ, cây cần bảo tồn theo hướng dẫn và định kỳ hàng năm, lập báo cáo kiểm kê chất lượng theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

4. Lập danh sách cây nguy hiểm phải thay thế trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và triển khai thực hiện việc chặt hạ, di dời theo kế hoạch.

5. Thường xuyên kiểm tra, kiến nghị các cơ quan chức năng giải quyết kịp thời những vấn đề liên quan về cây xanh.

6. Theo dõi, phát hiện, thông báo kịp thời các dịch sâu, bệnh hại cây xanh đô thị và hướng dẫn các biện pháp phòng tránh.

Điều 11. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình

1. Tham gia quản lý, bảo vệ, giữ gìn cảnh quan cây xanh công cộng.

2. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân trồng cây theo quy hoạch của đô thị và tham gia, quản lý, bảo vệ, chăm sóc cây xanh đô thị trước nhà, trong khuôn viên. Khi trồng cây theo dự án đầu tư phải thực hiện theo đúng hồ sơ kỹ thuật được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

3. Trong quá trình thi công, xử lý kỹ thuật công trình liên quan đến cây xanh, các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thông báo, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn để đảm bảo kỹ thuật, mỹ thuật, sự an toàn và phát triển của cây xanh.

4. Tổ chức, cá nhân khi phát hiện cây nguy hiểm, cây sâu mục, cây chết và các hành vi phá hoại hoặc gây ảnh hưởng đến sự phát triển của cây xanh phải thông báo kịp thời cho các cơ quan chức năng hoặc đơn vị quản lý trực tiếp để kịp thời giải quyết.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Xử lý vi phạm

1. Các tổ chức, cá nhân chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về quản lý cây xanh đô thị. Các hành vi bị nghiêm cấm đối với cây xanh đô thị được quy định tại Điều 7, Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ.

2. Việc vi phạm các hành vi bị cấm đối với cây xanh đô thị sẽ bị xử lý theo quy định tại Điều 49 Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở.

3. Thẩm quyền lập biên bản và xử phạt hành chính thực hiện theo Chương 8 Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ.

Điều 13. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình thực hiện, nếu gặp khó khăn, vướng mắc, tổ chức và cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Xây dựng để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai xem xét, giải quyết. /

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Ngọc Thành



Phụ lục 1
DANH MỤC CÂY TRỒNG ĐƯỜNG PHỐ

kèm theo Quyết định số: 36 /2016/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2016 của UBND tỉnh Gia Lai)

STT	Loại cây		Chiều cao thân (m)	Đường kính tán (m)	Chu kỳ sinh trưởng	
	Tên Việt Nam	Tên khoa học			Kỳ rụng lá (tháng)	Kỳ nở hoa (tháng)
	I. Cây đại mộc		> 15			
1	Dầu nước (Dầu con rái)	<i>Dipterocarpus alatus</i>	20-30	8-10	-	5-6
2	Giáng hương (Dáng hương)	<i>Pterocarpus pedatus pierre</i>	20-25	8-10	3-4	-
3	Long não	<i>Cinnamomum camphora nees et ebern</i>	15-20	8-15	-	3-5
4	Nhạc ngựa (Dái ngựa lá to)	<i>Swietenia mahogani jacq</i>	15-20	6-10	1-2	4-5
5	Sao đen	<i>Hopea odorata roxb</i>	20-25	8-10	2-3	4
	II. Cây trung mộc		10-15			
1	Huỳnh đàn	<i>Dalbergia tonkinensis prain</i>	10-15	4-8	-	4-5
2	Bằng lăng	<i>Lagerstroemia flosreginae retz</i>	5-15	8-10	2-3	5-7
3	Muồng hoa đỏ (Osaka đỏ)	<i>Erythrina Fusca</i>	10-20		6-11	1-12
4	Ngọc lan	<i>Michelia alba de</i>	15-20	5-8	-	5-9
5	Kèn hồng	<i>Tabebuia Heterophylla</i>	15		4-6	4-6
	III. Cây tiểu mộc		<10			
1	Chuông vàng	<i>Tabebuia aurea</i>	5-8	4-6	-	3-5
2	Móng bò tím	<i>Banhinia purpureaes l.</i>	8-10	4-5	-	8-10
3	Móng bò trắng	<i>Bauhinia acuminata</i>	3			
4	Từ Vi	<i>Lagerstroemia indica</i>	3-4		-	6-8
5	Vàng anh	<i>Saraca dives pierre</i>	7-12	8-10	-	



Phụ lục 2

DANH MỤC CÂY KHUYẾN KHÍCH TRỒNG

hành kèm theo Quyết định số: 36 /2016/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2016 của UBND tỉnh Gia Lai)

STT	Loài cây		Chiều cao thân	Đường kính tán (m)	Chu kỳ sinh trưởng	
	Tên Việt Nam	Tên khoa học			Kỳ rụng lá (tháng)	Kỳ nở hoa (tháng)
1	Bằng lăng	<i>Lagerstroemia flosreginae retz</i>	15-20	8-10	2-3	5-7
2	Chuông vàng	<i>Tabebuia aurea</i>	5-8	4-6	-	3-5
3	Dầu nước (Dầu con rái)	<i>Dipterocarpus alatus</i>	20-30	8-10	-	5-6
4	Giáng hương (Dáng hương)	<i>Pterocarpus pedatus pierre</i>	20-25	8-10	3-4	-
5	Hoàng nam	<i>Polyalthia longifolia</i>	5-10	1-2	-	-
6	Huỳnh đàn (Sưa, Trắc thối, Huê mộc vàng) {IA}	<i>Dalbergia tonkinensis prain</i>	10-15	4-8	-	4-5
7	Kèn hồng	<i>Tabebuia Heterophylla</i>	15		4-6	4-6
8	Lát hoa	<i>Chukrasia tabularis</i>	25			4-5
9	Lim xẹt (Lim vàng)	<i>Peltophorum tonkinensis a. chev</i>	25	7-8	1-3	5-7
10	Long não	<i>Cinnamomum camphora nees et ebern</i>	15-20	8-15	-	3-5
11	Lộc vừng	<i>Barringtonia racemosa roxb</i>	10-12	8-10	2-3	4-10
12	Mai vàng	<i>Ochna integerrima</i>	2-5	2-5	-	-
13	Móng bò tím	<i>Bauhinia purpurea l.</i>	8-10	4-5	-	8-10
14	Móng bò trắng	<i>Bauhinia acuminata</i>	3			
15	Muồng hoa đỏ (Osaka đỏ)	<i>Erythrina Fusca</i>	10-20		6-11	1-12
16	Muồng hoàng yến (bò cạp nước)	<i>Cassia fistula l.</i>	15	10	-	6-9
17	Muồng tím	<i>Samanea saman</i>	15-25	30		
18	Ngọc lan	<i>Michelia alba de</i>	15-20	5-8	-	5-9
19	Ngân hoa	<i>Grevillea robusta</i>	20-25		3-4	



22	Mac n (ái ngựa lá to)	<i>Swietenia mahogani jacq</i>	15-20	6-10	1-2	4-5
23	Phượng	<i>Delonix regia raf</i>	12-15	8-15	1-4	5-7
24	Sáo đen	<i>Ficus indiana linn</i>	15-20	6-12	-	6-7
25	Hopea	<i>Hopea odorata roxb</i>	20-25	8-10	2-3	4
26	Là Vĩ	<i>Lagerstroemia indica</i>	3-4		-	6-8
27	Vàng anh	<i>Saraca dives pierre</i>	7-12	8-10	-	1-3



Phụ lục 3
DANH MỤC CÂY CẤM TRỒNG TRONG ĐÔ THỊ

kèm theo Quyết định số: 36 /2016/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2016 của UBND tỉnh Gia Lai)

STT	Loài cây		Họ thực vật	Lý do cấm trồng
	Tên Việt Nam	Tên khoa học		
1	Bã đậu (Vông đồng)	<i>Hura crepitans</i> L	Euphorbiaceae	Cây có nhựa và hạt chứa độc tố
2	Bồ hòn	<i>Sapindus mukorossi</i>	Sapindaceae	Quả có chứa chất độc
3	Bồ kết	<i>Gleditsia triacanthos</i>	Fabaceae	Thân có nhiều gai rất to
4	Cao su	<i>Hevea brasiliensis</i>	Euphorbiaceae	Cành nhánh giòn, dễ gãy
5	Cô ca cảnh	<i>Erythroxylum novogranatense</i>	Erythroxylaceae	Lá có chất cocaine gây nghiện
6	Gòn (Bông gạo)	<i>Ceiba pentandra</i> Gaertn	Malvaceae	Cành nhánh giòn, dễ gãy; quả chín phát tán ảnh hưởng vệ sinh đường phố
7	Lòng mủ (các loại)	<i>Wrightia</i>	Apocynaceae	Quả chín phát tán, hạt có lông ảnh hưởng môi trường
8	Mã tiền	<i>Strychnos nux-vomica</i>	Loganiaceae	Hạt có chứa chất độc
9	Me keo	<i>Pithecellobium dulce</i>	Fabaceae	Thân và cành nhánh có nhiều gai
10	Xiro	<i>Carissa carandas</i>	Apocynaceae	Thân và cành nhánh có nhiều gai
11	Sung Nam bộ, Sơn lu	<i>Semecarpus cochinchinensis</i>	Anacardiaceae	Nhựa cây có chất làm ngứa, lở loét da
12	Thông thiên	<i>Thevetia peruviana</i>	Apocynaceae	Hạt, lá, hoa, vỏ cây đều có chứa chất độc
13	Trúc đào	<i>Nerium oleander</i>	Apocynaceae	Thân và lá có chất độc



Phụ lục 4

DANH MỤC CÂY TRỒNG HẠN CHẾ TRONG ĐÔ THỊ

Phụ lục kèm theo Quyết định số: 36 /2016/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2016 của UBND tỉnh Gia Lai)

STT	Tên cây		Họ thực vật	Lý do hạn chế trồng	Biện pháp hạn chế
	Tên Việt Nam	Tên khoa học			
1	Sữa (Mò cua)	<i>Alstonia scholaris</i>	Apocynaceae	Hoa có mùi gây khó chịu; cành nhánh giòn, dễ gãy	Hạn chế trồng tập trung quá 02 cây trong phạm vi bán kính 50m
2	Huỳnh liên (Sò đo bông vàng)	<i>Tecoma stans</i>	Bignoniaceae	Cành nhánh mềm, dễ gãy đổ khi mưa bão	Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị
3	Mù u	<i>Calophyllum inophyllum</i>	Calophyllaceae	Thân cây thường có dáng nghiêng; quả rụng nhiều ảnh hưởng vệ sinh đường phố	Hạn chế trên đường phố trong đô thị
4	Điệp phèo heo	<i>Enterolobium cyclocarpum</i>	Fabaceae	Rễ mọc ngang, lõi trên mặt đất gây hư hại vỉa hè và các công trình hạ tầng kỹ thuật; cành nhánh giòn dễ gãy	Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị
5	Lọ nôi (Đại phong tử)	<i>Hydnocarpus anthelmintica</i>	Flacourtiaceae	Quả to, rụng gây nguy hiểm	Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị
6	Liễu	<i>Salix</i>	Salicaceae	Không phù hợp trồng trên đường phố đô thị	Chỉ trồng ở dải phân cách, công viên, vườn hoa.
	Sò đo cam	<i>Spathodea campanulata</i>	Bignoniaceae	Cành nhánh giòn, dễ gãy, quả chín hạt phát tán nhanh	Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị, chỉ trồng ở công viên, vườn hoa.
	Xà cừ (Sọ khi)	<i>Khaya senegalensis a.Juss</i>	Meliaceae	Rễ mọc ngang, lõi trên mặt đất gây hư hại vỉa hè và các công trình hạ tầng kỹ thuật	Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị

STT	Loài cây		Họ thực vật	Lý do hạn chế trồng	Biện pháp hạn chế
	Tên Việt Nam	Tên khoa học			
9	Keo (các loại)	<i>Acacia</i>	Mimosoideae	Cành nhánh giòn, dễ gãy	Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị
10	Đa (Da, Đề, Sung)	<i>Ficus</i>	Moraceae	Có rễ phụ làm hư hại công trình; dạng quả sung ảnh hưởng vệ sinh đường phố	Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị
11	Trúng cá	<i>Muntingia calabura</i>	Muntingiaceae	Quả khuyến khích trẻ em leo trèo; quả rụng ảnh hưởng vệ sinh môi trường	Hạn chế trồng trên vỉa hè đường phố trong đô thị; khi trồng với mục đích sử dụng công cộng khác phải có biện pháp bảo vệ phù hợp
12	Thông 3 lá	<i>Pinus kesiya</i>	Pinaceae		Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị, chỉ trồng ở công viên, vườn hoa.
13	Thông 5 lá	<i>Pinus dalatensis</i>	Pinaceae	Là loại cây quý hiếm, sinh trưởng chậm	Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị, chỉ trồng ở công viên, vườn hoa.
14	Tre	<i>Bambuseae</i>	Poaceae	Cây có nhiều nhánh nhỏ thấp, phát triển bụi rậm	Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị
15	Gáo	<i>Sarcocephalus cordatus</i> miq	Rubiaceae	Cành nhánh giòn, dễ gãy; quả rụng ảnh hưởng vệ sinh đường phố	Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị
16	Trôm	<i>Sterculia foetida</i> L	Sterculiaceae	Quả to, hoa có mùi	Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị; trồng tập trung quá 02 cây trong phạm vi bán kính 50m

STT	Loại cây		Họ thực vật	Lý do hạn chế trồng	Biện pháp hạn chế
	Tên khoa học				
17	Các loài cây ăn quả			Cây có quả khuyến khích trẻ em leo trèo; quả rụng ảnh hưởng vệ sinh đường phố	Khi trồng với mục đích sử dụng công cộng phải có biện pháp bảo vệ phù hợp
18	Đùng đình	Caryota mitis	Arecaceae	Quả có chất gây ngứa	Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị
19	Bàng	Terminalia catappa	Combretaceae	Dễ bị sâu (gây ngứa khi rụng phải)	Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị
20	Viết	Mimusops elengi Linn	Sapotaceae	Cây bị sâu đục thân gây chết khô	Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị